

# NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2015

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

### Về việc thành lập Công ty TNHH MTV Tài chính tổng hợp Ngân hàng Á Châu

**1. Lý do thành lập:** Hiện nay, trong số các nghiệp vụ tài chính mà Tập đoàn ACB cung cấp cho khách hàng có các nghiệp vụ: tín dụng tiêu dùng, cho thuê tài chính, và bao thanh toán. Ngân hàng Nhà nước đã có một số dự thảo thông tư có thể sẽ ban hành chính thức trong thời gian tới, trong đó có dự thảo Thông tư quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, và dự thảo Thông tư quy định về hoạt động tín dụng tiêu dùng của công ty tài chính. Hai thông tư nói trên, một khi được ban hành, sẽ có tác động đến ngân hàng thương mại như sau:

- *Ngân hàng thương mại có thể sẽ không còn được cho vay tiêu dùng, tùy theo lộ trình do NHNN quy định.*
- *Ngân hàng thương mại được thành lập công ty tài chính để cho vay tiêu dùng.*

Vì vậy, để chuẩn bị cho việc ACB tiếp tục hoạt động kinh doanh về cho vay tiêu dùng sau khi có các thông tư nói trên, ACB cần thiết phải thành lập một công ty tài chính.

**2. Mô hình công ty:** Là công ty tài chính tổng hợp thực hiện các hoạt động bao gồm cả Tín dụng tiêu dùng, Cho thuê tài chính, và Bao thanh toán.

**3. Kiến nghị:** Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. Chủ trương thành lập Công ty TNHH MTV Tài chính tổng hợp Ngân hàng Á Châu (gọi tắt là Công ty Tài chính ACB.)
2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt đề án về việc thành lập Công ty Tài chính ACB và thay đổi nội dung của đề án; chỉ đạo thực hiện các thủ tục trình Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thành lập Công ty Tài chính ACB theo quy định; và tùy điều kiện pháp quy và thị trường mà quyết định (i) mô hình tổ chức cụ thể và các vấn đề khác có liên quan đến việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính ACB, và (ii) thời điểm thực hiện, triển khai đề án thành lập Công ty Tài chính ACB.

Kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Đính kèm:

- Đề án tổng quát về việc thành lập Công ty Tài chính ACB;
- Sơ đồ tổ chức (dự kiến) Công ty Tài chính ACB.

**Trần Hùng Huy**

# ĐỀ ÁN TỔNG QUÁT

## Về việc thành lập Công ty TNHH MTV Tài chính tổng hợp Ngân hàng Á Châu

### I. Tổng quan:

#### 1. Lý do thành lập Công ty tài chính ACB:

- Điểm d, Khoản 1 Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định Công ty tài chính được phép cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng.
- Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước đang xây dựng Dự thảo Thông tư quy định về hoạt động tín dụng tiêu dùng của Công ty tài chính, trong đó quy định:
  - + Ngân hàng thương mại thực hiện cho vay tiêu dùng được thành lập Công ty tài chính (Khoản 2, Điều 1).
  - + Các hình thức cho vay tiêu dùng bao gồm: Cho vay trả góp, Cho vay thấu chi qua thẻ tín dụng, phát hành thẻ mua hàng (Khoản 1, Điều 1).
  - + Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, Ngân hàng thương mại không được ký thêm hợp đồng tín dụng tiêu dùng (Khoản 3, Điều 23).
- Đồng thời, hiện Ngân hàng Nhà nước cũng đang xây dựng Dự thảo Thông tư quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng có quy định: Thông tư này không điều chỉnh đối với hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay vốn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ tiêu dùng (Mục c, Khoản 2, Điều 1).

#### 2. Mô hình Công ty tài chính ACB:

Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 (Nghị định số 39/2014/NĐ-CP) thì Công ty tài chính bao gồm: (1) Công ty tài chính tổng hợp và (2) Công ty tài chính chuyên ngành, bao gồm: (i) Công ty tài chính bao thanh toán, (ii) Công ty tài chính tín dụng tiêu dùng, (iii) Công ty cho thuê tài chính. Trong đó Công ty tài chính chuyên ngành chỉ được phép thực hiện nghiệp vụ chính theo chuyên ngành đăng ký kinh doanh.

- Công ty tài chính tổng hợp là công ty tài chính được thực hiện các hoạt động bao gồm cả nghiệp vụ bao thanh toán, tín dụng tiêu dùng và cho thuê tài chính.
- Công ty tài chính bao thanh toán là công ty tài chính chuyên ngành, hoạt động chính trong lĩnh vực bao thanh toán.
- Công ty tài chính tín dụng tiêu dùng là công ty tài chính chuyên ngành, hoạt động chính trong lĩnh vực tín dụng tiêu dùng.
- Công ty cho thuê tài chính là công ty tài chính chuyên ngành, hoạt động chính là cho thuê tài chính; trong đó, dư nợ cho thuê tài chính phải chiếm tối thiểu 70% tổng dư nợ cấp tín dụng.

Do vậy, kính trình xem xét thành lập Công ty tài chính tổng hợp.

#### 3. Điều kiện hoạt động Công ty tài chính ACB:

Theo Khoản 1 Điều 108 Luật Các tổ chức tín dụng quy định điều kiện chung để Công ty tài chính thực hiện hoạt động ngân hàng:

- Hoạt động ngân hàng của Công ty tài chính phải được ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp.
- Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị và các quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động ngân hàng được ghi trong giấy phép.
- Đối với các hoạt động ngân hàng có liên quan đến hoạt động ngoại hối, Công ty tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.
- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện nghiệp vụ đối với hoạt động ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Ngoài các điều kiện chung nêu trên, các Công ty tài chính còn phải đáp ứng các điều kiện cụ thể áp dụng riêng cho từng nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 39/2014/NĐ-CP.

#### 4. Nghiệp vụ của Công ty tài chính ACB:

Dự kiến hoạt động của Công ty tài chính ACB thực hiện theo quy định về hoạt động của Công ty tài chính theo Nghị định số 39/2014/NĐ-CP, bao gồm:

- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức.
- Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài.
- Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.
- Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng.
- Phát hành thẻ tín dụng.
- Cho thuê tài chính.
- Bảo lãnh ngân hàng.
- Bao thanh toán.

#### 5. Một số thông tin về hoạt động của các Công ty tài chính tại Việt Nam:

- Việt Nam với gần 90 triệu dân được đánh giá là dân số trẻ và thu nhập không ngừng cải thiện cùng với đòi hỏi về chất lượng cuộc sống ngày càng cao thì sẽ phát sinh nhiều nhu cầu tài chính tiêu dùng.
- Theo báo cáo của Công ty truyền thông tài chính Stox Plus về thị trường tài chính tiêu dùng (phát hành đầu năm 2014): tổng quy mô của thị trường tài chính tiêu dùng năm 2013 đạt gần 188.000 tỷ đồng – tương đương 8,88 tỷ USD, với mức tăng trưởng trên 12%, và chỉ chiếm 5,4% GDP. Cũng theo thống kê của công ty này, quy mô dư nợ chủ yếu là các khoản cho vay tiêu dùng có bảo đảm bằng tài sản như vay mua nhà, sửa chữa, nâng cấp nhà ở, vay mua ô tô... và được thực hiện bởi hệ thống ngân hàng thương mại. Trong khi đó, các khoản vay tín chấp tiêu dùng với giá trị thấp như xe máy, điện thoại, đồ gia dụng... lại có quy mô khá khiêm tốn, chỉ 4% trên tổng số dư nợ, lại do Công ty tài chính tiêu dùng đảm nhận. Do đó thị trường tài chính tiêu dùng còn nhiều tiềm năng cơ hội để phát triển.
- Nhận thấy được thị trường tiềm năng này, nhiều Ngân hàng và Công ty tài chính như Vietcombank, Vietinbank, Sacombank, Techcombank, CitiBank, VIB, ANZ, BIDV, HSBC, Home Credit Việt Nam, Prudential FC, VFG, JACCS... đều chú trọng phát

triển lĩnh vực này để gia tăng tỷ suất lợi nhuận.

- Hiện nay, hoạt động tín dụng tiêu dùng của Ngân hàng thương mại và Công ty tài chính đan xen nhau do đều cung cấp các sản phẩm như cho vay trả góp để mua xe máy, trang thiết bị gia đình, cho vay phục vụ đời sống, cho vay trả góp mua máy tính, điện thoại...
- Việc thành lập Công ty tài chính thông qua hình thức sáp nhập và mua lại hiện phổ biến của các ngân hàng. Cụ thể, HDBank đã mua lại 100% vốn của Công ty tài chính Việt Société Générale (SGVF). Trước HDBank, Công ty tài chính Fullerton Financial Holdings (FFH), công ty con của Tập đoàn Temasek (Singapore) đã nâng mức sở hữu cổ phần tại Mekong Bank (MDB) từ 15% lên 20%. VPBank mua lại Công ty TNHH MTV Tài chính Than khoáng sản Việt Nam. Maritime Bank trở thành cổ đông lớn nhất của Công ty Tài chính Dệt may.
- Như vậy, cuộc đua thâm nhập của các ngân hàng vào thị trường tài chính tiêu dùng diễn ra quyết liệt. Tuy nhiên, xu hướng sáp nhập và mua lại của các Ngân hàng thương mại đối với Công ty tài chính cũng gặp nhiều trở ngại do Công ty tài chính có hoạt động và triển vọng tốt đã và sẽ được tiến hành ưu tiên mua lại, còn lại phần lớn là đang có tình hình tài chính xấu và rất xấu. Việc Ngân hàng thương mại mua lại đồng nghĩa với việc chấp nhận tốn nhiều chi phí khắc phục tình trạng đó. Do đó, tự thành lập các Công ty tài chính trực thuộc cũng là cách các Ngân hàng thương mại xem xét và chọn lựa khá nhiều.
- Việt Nam hiện đang có 18 Công ty tài chính thì trong đó 6 Công ty tài chính nước ngoài (một công ty là Société Générale đã được HDBank mua lại) và 12 Công ty tài chính trực thuộc các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước. Hầu hết trong số 12 công ty này hiện đang hoạt động kém hiệu quả, bị sức ép lớn trước yêu cầu thoái vốn đầu tư ngoài ngành.
- Các Công ty tài chính tiêu dùng hiện nay đều đang hướng vào cho vay tín chấp tiêu dùng ở ba dòng sản phẩm – dịch vụ chính: dịch vụ mua xe máy trả góp, dịch vụ mua sắm gia dụng, dịch vụ cho vay tiêu dùng cá nhân.
- Hiện tại, dẫn đầu thị trường này là Home Credit, một thương hiệu của Công ty tài chính PPF Việt Nam với 100% vốn nước ngoài. Tính đến hết tháng 8/2014, Home Credit đã có 2 triệu khách hàng. Cùng với đó, số lượng điểm giao dịch của công ty cũng đã tăng gấp 10 lần so với khi thành lập, đạt 5.000 điểm. Theo báo cáo tài chính năm 2013, lợi nhuận sau thuế của Home Credit đã tăng gấp 4,5 lần.
- Hai thương hiệu ngoại khác là Prudential Việt Nam với lợi nhuận sau thuế năm 2013 đã tăng gần 44% với dư nợ tín dụng tăng 14% và ACS Việt Nam (công ty liên doanh giữa ACS Capital Corporation và Aeon Thana Sinsap, trong đó ACS Việt Nam trực thuộc Aeon Credit Service) xếp vị trí tiếp theo. Tiếp đó là Công ty tài chính Việt Société Générale (SGFV) - đã được HDBank mua lại và đổi tên thành HDFinance. Trong số những công ty nội địa, nổi bật nhất có lẽ là Công ty tài chính VPBank với bộ phận cho vay tiêu dùng trực thuộc Ngân hàng.
- Mỗi Công ty tài chính đều có một định hướng sản phẩm riêng. Home Credit, HDFinance, FE Credit (của VPBank) tập trung nhiều vào lĩnh vực cho vay mua xe máy, thiết bị điện tử. Trong khi đó, Prudential nhắm vào thị trường cho vay chi tiêu cá nhân. ACS Việt Nam thì hướng đến thị trường những sản phẩm tiêu dùng thiết yếu. Một số Công ty tài chính khác chỉ chú trọng đến thị trường riêng biệt. Chẳng hạn, Công ty tài chính Toyota chuyên cho vay mua ô tô để hỗ trợ cho hoạt động bán xe của

công ty này, không tập trung phát triển các loại hình tín dụng tiêu dùng khác.

- Cuộc cạnh tranh giành thị phần tín dụng tiêu dùng đang diễn ra mạnh. Công ty tài chính Prudential Finance có chương trình ưu đãi với thu nhập 15 triệu đồng/tháng, khách hàng được vay 300 triệu đồng trong 4 năm, mỗi tháng phải trả khoảng 9,5 triệu đồng/tháng (cả lãi và gốc). Home Credit, FE Credit, ACS cũng liên kết với nhiều cửa hàng điện thoại, xe máy, siêu thị... để cung ứng vốn tiêu dùng khi khách có nhu cầu mua sắm. Thực tế, lãi suất cho vay của các ngân hàng thấp hơn so với các Công ty tài chính khá nhiều. Tuy nhiên, về thủ tục thì các Công ty tài chính giải quyết nhanh chóng hơn nhiều so với khối ngân hàng thương mại đã góp phần thúc đẩy gia tăng số lượng khách hàng.
- Các Công ty tài chính trực thuộc ngân hàng có lợi thế về nguồn vốn huy động từ ngân hàng mẹ có chi phí phù hợp, được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ ngân hàng mẹ... Các công ty tài chính nước ngoài với tiềm lực từ công ty mẹ và kinh nghiệm kinh doanh lâu năm trên thị trường cũng tự tin vào khả năng cạnh tranh của mình.

## II. **Thành lập Công ty tài chính ACB:**

### 1. **Dự thảo Cách thức thành lập:**

- (1). Thành lập mới Công ty tài chính ACB.
- (2). Sát nhập ACB Leasing vào Công ty tài chính ACB.

Lý do:

- Dự thảo trên nhằm để triển khai nghiệp vụ cho cho vay tiêu dùng bên cạnh nghiệp vụ cho thuê tài chính hiện có sẽ có nhiều thuận lợi vì có thể sử dụng được đội ngũ nhân sự, hệ thống cơ sở vật chất, khách hàng... hiện hữu của ACB Leasing.
- Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP quy định: Công ty tài chính được thực hiện hoạt động cho thuê tài chính theo quy định về cho thuê tài chính tại Chương III Nghị định này khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.
- Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP quy định: Công ty tài chính chuyên ngành không được bổ sung nội dung hoạt động để chuyển đổi thành Công ty tài chính tổng hợp.

### 2. **Tên gọi công ty (dự kiến):**

- Tên đầy đủ : Công ty TNHH MTV Tài chính tổng hợp Ngân hàng Á Châu
- Tên viết tắt : Công ty tài chính ACB

### 3. **Điều kiện thành lập:**

Trước đây, theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 thì điều kiện để cấp giấy phép Công ty tài chính bao gồm:

- Có nhu cầu hoạt động công ty tài chính.
- Có đủ vốn pháp định theo quy định Chính Phủ (Theo quy định tại Nghị định số 141/2006 ngày 22/11/2006 thì vốn pháp định đối với Công ty tài chính là 500 tỷ đồng).

- Thành viên sáng lập là các tổ chức, cá nhân có uy tín và năng lực tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Người quản trị, điều hành có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có trình độ chuyên môn phù hợp với hoạt động của công ty tài chính.
- Có điều lệ tổ chức, hoạt động phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật.
- Có dự thảo phương án kinh doanh khả thi.

Tuy nhiên, Nghị định số 79/2002/NĐ-CP đã được thay thế bởi Nghị định số 39/2014/NĐ-CP, nhưng hiện Nghị định số 39/2014/NĐ-CP lại không có quy định về điều kiện thành lập Công ty tài chính.

#### 4. Sáp nhập ACB Leasing vào Công ty tài chính ACB:

Sau khi Công ty tài chính ACB được cấp phép thành lập, ACB Leasing sẽ đồng thời xin phép Ngân hàng Nhà nước sáp nhập ACB Leasing vào Công ty tài chính ACB.

### III. Hoạt động của Công ty tài chính ACB:

#### 1. Cơ cấu tổ chức:

- Sơ đồ tổ chức: theo Phụ lục đính kèm.
- Tham mưu cho Hội đồng thành viên là các ủy ban, ban, hội đồng được thành lập, hoạt động theo quy định pháp luật, của ACB và Điều lệ, các quy định của Công ty tài chính.
- Đứng đầu các ủy ban, ban, hội đồng là Trưởng ủy ban, ban hoặc Chủ tịch hội đồng. Các thành viên ủy ban, ban, hội đồng do Hội đồng thành viên hoặc cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và chịu trách nhiệm tham mưu, báo cáo cho Hội đồng thành viên.
- Các phòng, bộ phận trong Công ty tài chính được tổ chức theo 04 nhóm chức năng sau:
  - + Tổ chức và thực hiện kinh doanh sản phẩm dịch vụ tín dụng tiêu dùng và cho thuê tài chính (chức năng kinh doanh).
  - + Thực hiện tác nghiệp, quy trình vận hành sản phẩm (chức năng vận hành).
  - + Thực hiện quản lý hiệu quả chi phí và đảm bảo an toàn hoạt động (chức năng hỗ trợ).
  - + Chức năng quản lý, phê duyệt cấp tín dụng.

#### 2. Sản phẩm:

- Tiêu dùng tín chấp:
  - + Thẻ tín dụng.
  - + Cho vay trả góp.
  - + Thấu chi.
- Tiêu dùng có thế chấp:

- + Phương tiện xe.
- + Tín dụng vi mô.
- + Thẻ chấp nhà.
- Cho thuê tài chính:
  - + Cho thuê tài chính.
  - + Mua và cho thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính.

### 3. Hệ thống phân phối:

- Quầy giao dịch truyền thống.
- Đội ngũ kinh doanh qua điện thoại/contact centers/online.
- Các đại lý bán hàng.

### 4. Hệ thống phân tích và phê duyệt tín dụng:

- Hệ thống chấm điểm tín dụng (Scoring).
- Phê duyệt tín dụng phân cấp, tập trung.

### 5. Hệ thống cảnh báo nợ sớm và thu nợ:

- Thu nợ trong hạn:
  - + Thu nợ qua quầy giao dịch ACB.
  - + Nhân viên thu hồi nợ qua điện thoại (collectors).
- Nhắc nợ qua SMS, email, phone.
- Thu nợ quá hạn.

### 6. Chính sách tín dụng và quản lý rủi ro: Thực hiện theo quy định.

## IV. Dự phóng tài chính Công ty tài chính ACB:

### 1. Chi phí hoạt động:

**ĐVT: Triệu đồng**

STT	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC
<b>1</b>	<b>Chi phí nhân viên</b>		
	- Chi phí lương và phụ cấp	Người/tháng	8,500,000
	- Số lượng nhân sự	Người	190
	- Chi phí ăn ca	Người/tháng	450,000
	- Chi phí bảo hiểm xã hội		18%
	- Chi phí bảo hiểm y tế		3%
	- Chi kinh phí công đoàn		2%

STT	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC
	- Chi phí bảo hiểm lao động	Người/năm	0.65
	- Chi phí bảo hiểm khác (bảo hiểm tai nạn)	Người/năm	0.65
	- Chi đồng phục nhân viên	Người/năm	2
	- Trợ cấp thôi việc, khó khăn, trợ cấp khác (BHTN)	Tháng	1%
	- Chi khám sức khỏe định kỳ nhân viên	Người/năm	0.95
	- Chi công tác phí		Theo thực tế
<b>2</b>	<b>Chi hoạt động quản lý và công cụ dụng cụ</b>		
	- Chi hoa hồng dịch vụ thẻ	Triệu đồng/tháng	3,010
	- Chi phí hoạt động		2,066
	- Chi phí công cụ dụng cụ		687
	- Chi phí đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, tài liệu		6.3
<b>3</b>	<b>Khấu hao tài sản</b>	Năm	
	- Thiết bị dụng cụ quản lý		20%
	- Máy móc thiết bị tính toán		20%
	- Máy móc thiết bị văn phòng		20%
	- Phương tiện vận tải		12.5%
	- Tài sản cố định khác		20%
<b>4</b>	<b>Chi phí trích dự phòng rủi ro</b>		
	- Trích dự phòng chung		0.75%
	- Trích dự phòng cụ thể		Theo quy định
<b>5</b>	<b>Chi phí cho thuê tài chính</b>		
	- Trả lãi tiền ký cược cho khách hàng	Năm	Theo quy định
<b>6</b>	<b>Chi phí từ hoạt động tài chính khác</b>		
	- Chi phí huy động vốn:		
	+ Huy động vốn bằng USD	Năm	2.25%
	+ Huy động vốn bằng VND	Năm	6.70%
	- Phí phạt trả trước hạn		Theo quy định
<b>7</b>	<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	Năm	22%

## 2. Cơ cấu vốn trong hoạt động:

**ĐVT: Triệu đồng**

STT	BẢNG CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN	NĂM 1	NĂM 2	NĂM 3
1	Thu gốc trong kỳ (đã quy đổi)	339,656	411,705	467,027



STT	BẢNG CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN	NĂM 1	NĂM 2	NĂM 3
	- Cho thuê tài chính bằng USD	2	2	2
	- Cho thuê tài chính bằng VND	286,703	339,539	378,683
	- Cho vay trả góp và tiêu dùng VND	7,570	23,008	43,134
2	Giải ngân trong kỳ	579,934	692,646	727,027
	- Cho thuê tài chính bằng USD	1	2	2
	- Cho thuê tài chính bằng VND	492,944	588,749	617,973
	- Cho vay trả góp và tiêu dùng VND	57,993	58,033	63,853
3	Tăng dư nợ trong kỳ (đã quy đổi)	240,278	280,940	260,000
	- Cho thuê tài chính bằng USD	-1	0	0
	- Cho thuê tài chính bằng VND	206,240	249,210	239,290
	- Cho vay trả góp và tiêu dùng VND	50,423	35,026	20,719
4	Dư nợ cho thuê cuối kỳ (đã quy đổi)	1,180,000	1,450,000	1,710,000
	- Cho thuê tài chính bằng USD	6	5	5
	- Cho thuê tài chính bằng VND	1,009,483	1,258,693	1,497,982
	- Cho vay trả góp và tiêu dùng VND	50,423	74,509	95,228
5	Số dư tiền ký cược (sẽ sử dụng để cho thuê)	231,597	322,256	416,995
6	Số dư dự trừ thanh khoản	10,000	14,500	17,100
7	Phát sinh vốn huy động trong kỳ	23,046	27,298	24,201
	- Vốn huy động bằng USD	0	0	0
	- Vốn huy động bằng VND	23,047	25,796	22,942
8	Tổng số dư vốn huy động cuối kỳ	253,385	397,485	511,958
	- Vốn huy động bằng USD	5	4	4
	- Vốn huy động bằng VND	157,311	307,642	425,038

### 3. Thu nhập:

Các chỉ tiêu được tính toán dựa vào các thông số sau đây:

- Thời gian cho thuê tài chính trung bình : 48 tháng
- Thời gian cho vay trả góp và tiêu dùng : 36 tháng
- Tỷ lệ ký cược đối với cho thuê tài chính : 10% tổng giá trị tài sản cho thuê
- Tỷ lệ cho thuê tài chính bình quân : 70% đối với mỗi dự án
- Giá trị mua lại tài sản khi thanh lý CTTC : 0.3% tổng giá trị tài sản
- Dự trừ thanh khoản : 1% tổng dư nợ
- Tỷ lệ dư nợ cho thuê tài chính bằng USD : 5% tổng dư nợ
- Tỷ lệ dư nợ cho thuê tài chính bằng VND : 85% tổng dư nợ

- Tỷ lệ cho vay trả góp và tiêu dùng VND : 10% tổng dư nợ

**ĐVT: Triệu đồng**

STT	THU NHẬP	NĂM 1	NĂM 2	NĂM 3
1	Thu từ hoạt động cho thuê tài chính	209,809	234,693	262,432
	- Lãi cho thuê tài chính	105,713	119,742	136,419
	+ Lãi cho thuê của dư nợ bằng USD	6,058	5,520	5,485
	+ Lãi cho thuê của dư nợ bằng VND	99,656	114,222	130,934
	- Phí quản lý khoản thuê tài chính	0	0	0
	- Bán lại tài sản	1,146	1,415	1,706
	- Thu lãi cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng	2,288	5,536	8,307
	- Thu nhập từ hoạt động bao thanh toán	0	0	0
	- Thu nhập từ phát hành thẻ tín dụng	100,663	108,000	116,000
2	Thu từ hoạt động tài chính khác	49	63	77
	- Thu lãi từ gửi tiền dự trừ thanh khoản	49	63	77

#### 4. Kết quả kinh doanh:

**ĐVT: Triệu đồng**

STT	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	NĂM 1	NĂM 2	NĂM 3
1	<b>Doanh thu từ hoạt động kinh doanh</b>	209,858	234,756	262,509
	Thu từ hoạt động cho thuê tài chính	106,859	121,157	138,125
	Thu từ hoạt động cho vay	2,288	5,536	8,307
	Thu từ hoạt động thẻ	100,663	108,000	116,000
	Thu từ hoạt động tài chính khác	49	63	77
2	<b>Chi phí hoạt động chưa có dự phòng</b>	116,439	125,183	134,493
	Chi phí cho thuê tài chính (trả lãi ký cược)	1,383	1,792	2,255
	Chi phí huy động vốn	9,751	17,409	26,254
	Chi phí hoạt động chung	103,874	104,701	104,735
	Khấu hao tài sản	1,431	1,282	1,250
3	<b>Lợi nhuận trước thuế và dự phòng</b>	93,419	109,573	128,016
	Chi phí trích dự phòng rủi ro	4,451	4,636	4,537
4	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	88,968	104,937	123,479
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	19,573	23,086	27,165
5	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	69,395	81,850	96,314
	<b>PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>			

STT	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	NĂM 1	NĂM 2	NĂM 3
	- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (10%)	6,939	8,185	9,631
	- Quỹ dự phòng tài chính (5%)	3,470	4,093	4,816

#### 5. Bảng cân đối kế toán:

**ĐVT: Triệu đồng**

STT	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	NĂM 1	NĂM 2	NĂM 3
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>			
I	Tiền mặt tại quỹ	0	0	0
II	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	2,556	3,244	2,149
III	Khoản cho vay khách hàng CTTC	1,166,645	1,442,948	1,698,412
1	Đầu tư thuần cho thuê tài chính	1,180,000	1,460,940	1,720,940
2	Dự phòng rủi ro cho thuê tài chính	-13,355	-17,992	-22,529
IV	Tài sản cố định	5,269	3,987	2,737
1	Tài sản cố định hữu hình	5,269	3,987	2,737
	Nguyên giá tài sản cố định	7,584	7,584	7,584
	Hao mòn tài sản cố định	-2,315	-3,597	-4,847
V	Tài sản có khác	9,519	9,519	9,519
1	Lãi dự thu	8,606	8,606	8,606
2	Tài sản có khác	913	913	913
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1,183,988</b>	<b>1,459,698</b>	<b>1,712,817</b>
<b>B</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
I	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	253,385	392,485	496,958
II	Tiền gửi của khách hàng	231,597	322,256	416,995
III	Các khoản nợ khác	161,064	194,738	234,197
1	Lãi dự chi	3,354	3,354	3,354
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	157,711	191,384	230,843
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>646,046</b>	<b>909,478</b>	<b>1,148,150</b>
	<b>VỐN VÀ CÁC QUỸ</b>	<b>537,942</b>	<b>550,220</b>	<b>564,667</b>
1	Vốn điều lệ	500,000	500,000	500,000
2	Các quỹ dự trữ	37,942	50,220	64,667
3	Lợi nhuận chưa phân phối	0	0	0
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ &amp; VỐN CSH</b>	<b>1,183,988</b>	<b>1,459,698</b>	<b>1,712,817</b>

#### 6. Tỷ lệ an toàn vốn:

Theo Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014, kết quả dự phóng về tỷ lệ an toàn vốn:

**ĐVT: Triệu đồng**

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 1	NĂM 2	NĂM 3
<b>A</b>	<b>Vốn tự có</b>	527,589	535,179	543,226
<b>I</b>	<b>Vốn cấp I</b>	512,647	516,740	521,556
1	Vốn và các quỹ	512,647	516,740	521,556
a	Vốn điều lệ (đã được cấp vốn)	500,000	500,000	500,000
b	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	12,647	16,740	21,556
c	Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ	0	0	0
d	Lợi nhuận để lại không chia	0	0	0
2	Khoản phải trừ khỏi vốn cấp I	0	0	0
<b>II</b>	<b>Vốn cấp II</b>	14,941	18,439	21,670
	Quỹ dự phòng tài chính	11,069	13,892	16,677
	Dự phòng chung	3,873	4,547	4,993
<b>III</b>	<b>Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có</b>	0	0	0
<b>B</b>	<b>Tổng tài sản</b>	1,195,299	1,475,095	1,733,626
<b>B1</b>	<b>Tài sản nội bảng</b>	1,195,299	1,475,095	1,733,626
I	Nhóm tài sản "Có", có mức độ rủi ro 0%	0	0	0
II	Nhóm tài sản "Có", có mức độ rủi ro 20%	511	649	430
III	Nhóm tài sản "Có", có mức độ rủi ro 50%	0	0	0
IV	Nhóm tài sản "Có", có mức độ rủi ro 100%	1,194,787	1,474,446	1,733,196
V	Nhóm tài sản "Có", có mức độ rủi ro 150%	0	0	0
VI	Nhóm tài sản "Có", có mức độ rủi ro 250%	0	0	0
<b>B2</b>	<b>Tài sản ngoại bảng</b>	0	0	0
I	Các cam kết bảo lãnh, tài trợ cho khách hàng	0	0	0
II	Các hợp đồng giao dịch lãi suất và hợp đồng giao dịch ngoại tệ	0	0	0
<b>TỶ LỆ AN TOÀN VỐN (%)</b>		44.14%	36.28%	31.33%
<b>Tài sản có rủi ro còn có thể sử dụng</b>		4,666,797	4,471,334	4,302,217

#### 7. Hạch toán kế toán:

- Hệ thống tài khoản kế toán được áp dụng theo hệ thống tài khoản của tổ chức tín dụng tại Thông tư số 10/2014/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 20/03/2014.
- Hạch toán kế toán theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và của ACB đối với từng nghiệp vụ phát sinh.

**V. Tỷ lệ an toàn vốn của ACB và Tập đoàn ACB:**

Theo quy định tại Nghị định số 141/2006 ngày 22/11/2006 thì vốn pháp định đối với Công ty tài chính là 500 tỷ đồng.

Hiện nay, vốn điều lệ của ACB Leasing là 200 tỷ đồng.

Do đó, để thành lập Công ty tài chính ACB thì ACB phải cấp thêm vốn điều lệ là 300 tỷ đồng.

Khi đó, tỷ lệ an toàn vốn của ACB và hợp nhất của Tập đoàn ACB ước tính có sự thay đổi như sau:

Tỷ lệ an toàn vốn	Năm 2014		Năm 2015 (Kế hoạch)		Năm 2015 (Tăng vốn thêm)		Chênh lệch giữa Tăng vốn – Kế hoạch	
	ACB	Hợp nhất	ACB	Hợp nhất	ACB	Hợp nhất	ACB	Hợp nhất
CAR	12.25%	14.08%	10.79%	12.50%	10.61%	12.50%	-0.18%	0.00%
CAR Tier 1	7.88%	9.76%	6.85%	8.62%	6.67%	8.62%	-0.18%	0.00%

